

Số: 10/2022/QĐST-HNGĐ

Thanh Miện, ngày 18 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Lại Anh Vân**.

Thư ký phiên họp: Ông **Nguyễn Văn Hùng** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 10/2022/QĐST-VDS ngày 10 tháng 10 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: **UBND xã C, huyện T, tỉnh H.**

Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu: Ông **Đoàn Minh Đ** - Chủ tịch UBND xã C.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Đoàn Văn K**, sinh ngày 09/9/1969 và chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 22/6/1976; ĐKKHTT đều ở: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H.

Các đương sự đều vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Qua quá trình kiểm tra các tài liệu lưu trữ tại UBND xã C và đề nghị của công dân, UBND xã C phát hiện trường hợp anh **Đoàn Văn K**, sinh năm 1969 và chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 22/6/1976, cư trú tại Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 01/12/1992 là trái pháp luật. Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, giấy khai sinh, sổ hộ khẩu gia đình và một số giấy tờ tùy thân khác của chị H xác định chị H sinh ngày 22/6/1976, tuy nhiên ngày 01/12/1992, chị H tiến hành đăng ký kết hôn với anh **Đoàn Văn K**, khi đó chị H vẫn chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Vì vậy, khi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã C, chị H và anh K đã thống nhất tự khai tăng tuổi chị H từ 1976 thành 1973, đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ xã thời điểm đó còn chưa

chính xác nên đã đăng ký kết hôn cho chị H, anh K và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 và anh Đoàn Văn K, sinh năm 1969. UBND xã C nhận thấy việc đăng ký kết hôn trên của chị H và anh K là trái pháp luật. Vì vậy UBND xã C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với vợ chồng chị H, anh K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị H, anh K trình bày: Anh chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 01/12/1992. Tuy nhiên, tại thời điểm đi đăng ký kết hôn, chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn (chị H sinh ngày 22/6/1976 nên còn thiếu **06** tháng **22** ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật HNGĐ 1986). Do vậy, khi đến UBND xã C làm thủ tục đăng ký kết hôn, vợ chồng anh chị thống nhất tự khai tăng tuổi chị H từ sinh năm 1976 thành sinh năm 1973 để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn và cũng vì nguyện vọng và mong muốn của gia đình để có thể đăng ký kết hôn được hợp pháp. Sau đó, UBND xã C đã đăng ký kết hôn cho anh chị thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/12/1992, ghi họ tên vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 và Đoàn Văn K, sinh năm 1969. Kể từ thời điểm đăng ký kết hôn cho đến nay, vợ chồng anh chị về tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và đã sinh được 03 con chung. Vì vậy, vợ chồng anh chị cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị kể từ thời điểm vợ chồng anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông Vũ Minh Q - Chủ tịch UBND xã C thời điểm năm 1992 là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho chị H, anh K thừa nhận do việc kiểm tra giấy tờ tùy thân không kỹ và tin tưởng theo lời khai của chị H, anh K nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh chị vào ngày **01/12/1992**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

+ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Văn K, sinh ngày 09/9/1969 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/6/1976 tại thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày 22/6/1994.

+ Về lệ phí: UBND xã C không phải chịu lệ phí theo quy định. Anh Đoàn Văn K và chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đoàn Văn K và chị Nguyễn Thị H đều cư trú và sinh sống tại thôn T, xã C và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C năm 1992. Qua kiểm tra và đề nghị của công dân, UBND xã C phát hiện trường hợp anh K và chị H kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật đối với anh chị, đồng thời anh K và chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý vụ việc là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu là UBND xã C; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh K và chị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

- Xét yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của UBND xã C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương thì thấy:

Căn cứ theo các giấy tờ, tài liệu chính gồm: Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh và một số giấy tờ tùy thân khác đều xác định chị Nguyễn Thị H sinh ngày 22/6/1976 nhưng đến ngày 01/01/1992 đã đăng ký kết hôn với anh Đoàn Văn K, sinh ngày 09/9/1969. Khi đó chị H còn thiếu **06** tháng **22** ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Vì chị H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên anh K và chị H đã thống nhất tự khai tăng tuổi của chị H từ sinh năm 1976 thành sinh năm 1973 để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn. Bên cạnh đó, do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân nên cán bộ đăng ký kết hôn thời điểm đó đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh K và chị H, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/1992 ghi họ tên vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 và Đoàn Văn K, sinh năm 1969. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND xã C có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là có đúng theo

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh K và chị H đã chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và sinh được 03 con chung là Đoàn Thị H1, sinh ngày 12/02/1995; Đoàn Thị H2, sinh ngày 01/6/1997; Đoàn Mạnh T, sinh ngày 30/11/2010. Quá trình giải quyết vụ việc, vợ chồng anh chị đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Do đó, không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Văn K và chị Nguyễn Thị H kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày **22/6/1994** là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã C, huyện T, tỉnh H không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh K và chị H có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn và được chấp nhận nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 149, 367, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã C, huyện T, tỉnh H về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật đối với anh Đoàn Văn K và chị Nguyễn Thị H.

Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Đoàn Văn K và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Văn K, sinh ngày 09/9/1969 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 22/6/1976; ĐKKHKT và nơi cư trú đều ở: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày 22 tháng 6 năm 1994*).

3. Về lệ phí:

- UBND xã C, huyện T, tỉnh H không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Đoàn Văn K và chị Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị H, anh K đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0000819 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: UBND xã C; Anh K và chị H có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- UBND xã C;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Lại Anh Vân